TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/9/2022
V/v *"Xin ly hôn và nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đinh Thị Phương Lan**
Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

***Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2022 về việc "*Xin ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 08/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Phượng L**, sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 36 Nguyễn Trãi, phường V, Tp R, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn T**, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Huỳnh Phượng L trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Phượng L và anh Nguyễn T tự tìm hiểu yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy ngày 17/02/2014. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Nhưng đến đầu năm

2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ, nhiều lần xúc phạm danh dự nhân phẩm và còn hăm dọa đánh, giết chị L. Ngoài ra, anh T còn không lo làm ăn, không lo cho gia gia đình vợ con từ đó dẫn đến ly thân cho đến nay. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn T.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị L và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Nhật L, sinh năm 2013 hiện nay đang ở với anh T. Ly hôn, chị L đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn T:* Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh T vẫn vắng mặt. Do đó, không có lời khai của anh Nguyễn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Huỳnh Phượng L thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp T, xã M, huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Phượng L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai những vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Huỳnh Phượng L và anh Nguyễn T là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2014. Quá trình chung sống giữa chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh T hay ghen tuông vô cớ, không lo làm ăn và không lo cho gia đình vợ con. Chị L và anh T sống ly thân gần từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay chị Huỳnh Phượng L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn T.

Xét yêu cầu của chị L Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh T không còn khả năng đoàn tụ vì theo chị L trình bày thì giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm; đồng thời trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không liên lạc hay quan tâm gì đến nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Huỳnh Phượng L được ly hôn với anh Nguyễn T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Có 01 người con chung tên Nguyễn Nhật L, sinh năm 2013 hiện nay đang ở với anh T. Ly hôn, chị L đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì phải xem xét toàn diện mọi mặt về vật chất cũng như tinh thần đối với sự phát triển của con chung sau này. Do đó, việc giao cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L là hoàn toàn phù hợp. Bởi vì hiện nay cháu L đang do anh T nuôi dưỡng kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau cho đến nay. Đồng thời, chị L cũng đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Giao cháu Nguyễn Nhật L cho anh Nguyễn T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong đơn khởi kiện chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 04/7/2022 chị L trình bày chị không cấp dưỡng nuôi con sau này có bao nhiêu thì chị cho bấy nhiêu. Chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét

- *Về nợ chung:* Chị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình:* Chị Huỳnh Phượng L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** <u>Tuyên Xử</u>:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Phượng L về việc xin ly hôn với anh Nguyễn T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Phượng L được ly hôn với anh Nguyễn T.

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Phượng L. Giao cháu Nguyễn Nhật L, sinh năm 2013 cho anh Nguyễn T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị L không cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Trong thời gian anh Nguyễn T nuôi con, chị Huỳnh Phượng L có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Phượng L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Phượng L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007910, ngày 20/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị L không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho chị Huỳnh Phượng L và anh Nguyễn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

<u>Nơi nhận:</u>
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND xã Lâm Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Quốc Chiến